

xìngmíng
姓名 name

bān jí
班级 class

xué hào
学号 number

yí wán chéng xià liè jù zǐ
一. 完成下列句子。

เติมประโยคทั้งสามต่อไปให้สมบูรณ์โดยใช้คำศัพท์ สามคำที่กำหนดให้



tóu fà
头发

jiě jiě
姐姐

cháng
长

1. _____ de _____ hěn _____.



gǒu
狗

duǎn
短

wěi bā
尾巴

2. _____ de _____ hěn _____.



tóu
头

xiǎo
小

bà bà
爸爸

3. _____ de _____ hěn _____.

èr zǔ jù zǐ
二. 组句子

จงเรียงให้เป็นประโยคที่ต้องการ

1. gǒu
狗

hěn duǎn
很短

wěi bā
尾巴

de
的

_____.

2. 我

两只

手

有

3. 眼睛

这是

的

我

Match the pictures with the answers in the box.

1



2



3



4



5



6



7



Answers

- a) 眼睛
- b) 鼻子
- c) 嘴巴
- d) 耳朵
- e) 手
- f) 脚
- g) 腿